

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022**  
**của Ban Dân tộc**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 828/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các Sở, ban ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể, các hội đặc thù và các đơn vị dự toán cấp tỉnh;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ban Dân tộc.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của Ban Dân tộc (có phụ biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Lãnh đạo Ban, Trưởng, Phó các phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Ban và kế toán đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở tài chính;
- KBNN tỉnh;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, KT

**TRƯỞNG BAN**



**Pi Năng Thị Thủy**

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Ban Dân Tộc

Chương: 483

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022**

Kèm theo Quyết định số 13/QĐ-BDT ngày 14/02/2023 của Ban Dân tộc tỉnh Ninh Thuận

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng



Số T T	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
<b>A</b>	<b>Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>B</b>	<b>Quyết toán chi ngân sách nhà nước</b>				
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>				
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>6.626.520.698</b>	<b>6.626.520.698</b>		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.206.456.000	2.206.456.000	-	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.664.300.000	1.664.300.000		
1.3	Chương trình mục tiêu quốc gia	2.575.250.000	2.575.250.000		
1.4	Kinh phí cải cách tiền lương	180.514.698	180.514.698	-	